

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2023/HSST.
Ngày 21 tháng 7 năm 2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân :

- Ông Cao Trung kiên - Bí thư huyện đoàn huyện Trực Ninh
- Bà Đoàn Thị Diệu

- **Thư ký phiên toà:** Ông Đào Đức Tài - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà:** Bà Vũ Quỳnh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số: 36/2023/HSST ngày 29 tháng 5 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2023/QĐXXST-HS ngày 27/6/2023 đối với các bị cáo:

1. **Ngô Văn T, sinh năm 1980** tại Nam Định; Nơi ĐKKHKT: Xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Trú tại: Xóm P, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Trình độ văn hóa: 8/12; Con ông Ngô Văn Th, sinh năm 1954; Con bà Mai Thị Đ, sinh năm 1962; Gia đình có 6 anh em, bị cáo là thứ 2; Vợ Vũ Thị N, sinh năm 1982; Có 4 con, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 28/10/2022 đến ngày 18/01/2023, hiện bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cho “Bảo lĩnh” (có mặt).

2. **Đỗ Văn H, sinh năm 1972** tại Nam Định; Nơi ĐKKHKT: Thị trấn N, huyện T, tỉnh Nam Định; Trú tại: Tổ dân phố N, thị trấn N, huyện T, tỉnh Nam Định; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Trình độ văn hóa: 10/10; Con ông Đỗ Thanh H (đã chết); Con bà Dương Thị M (đã chết); ; Gia đình có 5 chị em, bị cáo là thứ 5; Vợ Nguyễn Thị L, sinh năm 1973; Có 4 con, con lớn nhất sinh năm 1993, con thứ nhỏ nhất sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

3. **Ngô Xuân H1, sinh ngày 25/5/2006** tại Nam Định; Nơi ĐKKHKT: Xã T, huyện T,, tỉnh Nam Định; Trú tại: Xóm P, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Học sinh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Trình độ văn hóa: Đang học lớp 11; Con ông Ngô Văn T, sinh năm 1980; Con bà Vũ Thị N, sinh năm 1982; Gia đình có 4 anh em, bị cáo là thứ 2; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

Bị hại: Anh Trần Văn C, sinh năm 1990 và chị Trần Thị H2, sinh năm 1990, cùng trú tại: Xóm P, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định (Chị H2 có mặt; Anh C vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Ngô Xuân H1: Chị Vũ Thị N, sinh năm 1982 (mẹ đẻ bị cáo H1); Trú tại: Xóm P, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Ngô Xuân H1: Bà Bùi Tô Quyên - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước, thuộc Sở Tư pháp tỉnh Nam Định (có mặt).

Đại diện Trường THPT Trực Ninh B, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định: Bà Tổng Thị Thu - Phó hiệu trưởng, phụ trách công tác Đoàn; Bà Phạm Thị Hồng Ngọc - Giáo viên chủ nhiệm lớp 11 Trường THPT Trực Ninh B (có mặt).

Người làm chứng: Ông Trần Văn Lữ, sinh năm 1942; Trú tại: Xóm P, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Giữa anh Trần Văn C và Ngô Văn T có quan hệ họ hàng với nhau, khoảng đầu tháng 7/2021 vợ chồng T cho vợ chồng anh C vay 50.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng, sau khi đáo hạn ngân hàng xong sẽ trả lại tiền cho T. Do không đáo hạn được nên anh C không có tiền trả cho T. Anh C xin được trả nợ dần và được vợ chồng T đồng ý. Sau đó anh C đã trả cho T 30.000.000 đồng và bán cho T 02 chiếc máy khâu với giá 13.400.000 đồng, còn nợ lại T 6.600.000 đồng. T đã nhiều lần tìm gặp anh C để đòi số tiền trên nhưng anh C chưa có tiền trả cho T.

Tối ngày 31/7/2022, T nghe tin vợ chồng anh C mới lấy tiền phưởng được 40.000.000 đồng. Khoảng 21 giờ cùng ngày, T đến nhà tìm vợ chồng anh C để đòi tiền nhưng không gặp. Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 01/8/2022, T sang nhà anh C thì gặp chị Trần Thị H2 (vợ anh C), T nói: “Vợ chồng chị nhận tiền phưởng rồi, thu xếp trả tiền em đi”. Chị H2 nói chưa có tiền trả nợ, T nói. “Lúc cần thì anh chị sang nhà vay tiền, bây giờ có tiền lại không trả, định ăn quýt của vợ chồng em à”. Sau đó T đi về nhà. Khoảng 10 giờ 40 phút cùng ngày, T gọi điện cho anh C nói:

“Vợ chồng anh chị lấy tiền phường rồi mà không trả tiền cho vợ chồng em à, gần một năm rồi đấy”. C nói: “Đợt này anh khó khăn, chú cho anh khát lại hai tháng sau anh gửi”. Bức xúc về việc vợ chồng anh C có tiền nhưng không trả nợ, T nảy sinh ý định đến lấy bộ bàn ghế trường kỷ bằng gỗ (gồm 02 ghế băng dài và 01 bàn) ở nhà anh C mang về nhà mình, để gây áp lực buộc anh C trả tiền cho mình. T nói: “Bây giờ em mang bộ bàn ghế nhà anh về nhà em, cho anh chị 10 ngày nếu không trả tiền em thì em bán đi, trừ nợ, thừa thiếu em báo lại anh sau”. Anh C không đồng ý, tiếp tục xin T cho trả nợ sau nhưng T không đồng ý. Anh C nói: “Tuỳ chú”, sau đó tắt điện thoại.

Khoảng 11h cùng ngày, T đi xe máy nhãn hiệu Honda Wave, biển số 18D1-161.40 đến nhà Đỗ Văn H (là người làm thuê cho gia đình T) để nhờ H cùng mình đi đến nhà anh C lấy bộ bàn ghế về. T nói với H: “Anh lên giúp em tý”, nghĩ rằng đi làm thuê cho T như mọi lần nên H đồng ý và đi cùng về nhà T. Lúc này con trai của T là Ngô Xuân H1 vừa đi học về, T nói: “Con với bác H kéo xe sang nhà bác C chở cho bố bộ bàn ghế về” H và H1 đều đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe máy đi trước, H1 lấy chiếc xe kéo ba bánh tự chế của gia đình (loại có 01 bánh xe và tay kéo phía trước, 02 bánh xe phía sau, được hàn từ những thanh tuýp sắt) cùng H đi bộ theo sau đến nhà anh C.

Đến nơi, T đi vào trong phòng khách nhà anh C gặp chị H2 đang ở nhà cùng con nhỏ, anh C không có nhà. H để xe kéo ở sân trước nhà và cùng H1 đi lên hiên nhà đứng ở phía ngoài cửa ra vào phòng khách. T nói với chị H2: “Vợ chồng chị không có tiền trả thì cho em xin bộ bàn ghế em mang về nhà, khi nào vợ chồng anh chị trả tiền thì em trả lại bàn ghế”. Chị H2 hiểu ý T muốn lấy bộ bàn ghế của gia đình mình nên không đồng ý, nói: “Đây là việc của chú với chồng tôi, có gì đợi anh C về giải quyết, chú không được lấy bộ bàn ghế” và dùng điện thoại di động gọi điện Facetime (gọi điện có hình ảnh) cho anh C, đồng thời quay hình ảnh T đến nhà cho anh C xem và nói với anh C: “Đây này, chú T sang, chú bảo lấy bộ bàn ghế đây này”. T nói: “Em lấy đủ số tiền của em”. Anh C không đồng ý, nói: “Chú làm thế không được đâu”. Sau đó chị H2 đưa điện thoại cho T để nói chuyện với C thì T nói: “Em không nói chuyện nữa” và dọn đồ đạc trên mặt bàn bộ bàn ghế kê ở gian phòng khách. T mang 01 bộ ấm chén đang để trên mặt bàn đặt sang kệ ti vi ở cạnh đó, sau đó kéo 01 chiếc ghế băng của bộ bàn ghế trường kỷ. T nói với H1 và H: “Con với bác H vào bê bộ bàn ghế này lên xe rồi kéo về nhà cho bố”. Lúc này H và H1 đang đứng trước cửa phòng khách nghe nội dung T và chị H2 nói chuyện thì biết được mục đích của T là đến lấy bộ bàn ghế của vợ chồng anh C để trừ nợ nhưng vợ chồng anh C không đồng ý. Tuy nhiên, H và H1 vẫn đi vào trong phòng khách bê chiếc ghế băng ra ngoài sân đặt cạnh xe kéo ba bánh. T tiếp tục thu dọn đồ đạc trên mặt bàn để xuống nền nhà. Chị H2 nói tiếp: “Tớ không biết đâu, riêng cái này anh giải quyết với chú, tớ không đồng ý chú lấy bộ bàn ghế đâu”. T nói: “Đây là tiền của em, anh chị mua về” và kéo thêm chiếc bàn ra phía cửa phòng

khách, chị H2 thấy vậy liền đi ra khép cửa nhà vào, rút then cửa phía ngoài định cài, khóa cửa lại, đồng thời nói: “Nguyên tở là tở không chịu để chú lấy đâu”, thì T dùng tay đẩy cửa ra. Chị H2 nói: “Chú lấy vậy tở báo công an đấy, tở nói trước”. T nói: “Chị cứ việc báo, tôi chả ăn cắp ăn trộm gì của chị”, “mượn rồi có tiền không trả”. T tiếp tục kéo 01 chiếc ghế băng còn lại và đi lùi ra phía cửa, lúc này chị H2 đang đứng ở cửa ra vào, giơ tay chặn lại thì T va vào tay chị H2. H và H1 tiếp tục đi vào cùng bê chiếc ghế băng ra sân. Chị H2 không đồng ý nhưng vì chỉ có một mình, không thể ngăn cản được nên đã để cho T cùng H, H1 bê bộ bàn ghế ra sân. T quay lại đứng trước phòng khách nói với chị H2: “Khi nào anh về, em cho anh chị 10 ngày để chuộc lại, 10 ngày không chuộc lại em sẽ bán đi, bộ bàn ghế anh chị mua mới bao nhiêu tiền, giờ em bán, không đủ tiền của em đâu” rồi lại đi ra sân nói với H1: “Xếp lên xe đi con”. Sau đó, T cùng H1, H bê xếp bộ bàn ghế lên xe kéo. H kéo xe còn H1 đẩy phía sau đem bộ bàn ghế về nhà T, còn T tiếp tục vào trong nhà lờ qua tiếng lại với chị H2.

Khi ra sân lấy xe định đi về, T nảy sinh ý định lấy thêm chiếc tivi nhãn hiệu Samsung loại màn hình phẳng, 55 inch đặt trên tủ kệ trong phòng khách nhà anh C. T đi vào trong nhà, tiến đến vị trí kệ tivi và nói to: “Không trả tiền được thì chú lấy chiếc ti vi về, khi nào bố về trả tiền thì chú trả lại”, mục đích để chị H2 nghe thấy. Chị H2 nói: “Riêng cái đấy chú đừng có động vào nhé”. T bê bộ ấm chén đang để trên kệ ti vi định đặt xuống đất để lấy chiếc ti vi thì chị H2 ngăn cản, gạt tay T làm rơi vỡ bộ ấm chén. Chị H2 nói to: “Đ. mẹ giờ chú vào nhà bê hết cái nọ đến cái kia à, tiền chú với anh vay nhau, chú đừng có thấy đàn bà chú bắt nạt... chú không động vào đồ của tôi được đâu, chú với anh nợ thế nào tôi không biết, đừng đến đây bắt nạt con đàn bà”. Thấy vậy T không lấy chiếc tivi nữa và đi ra cửa nhà đứng cãi nhau với chị H2. Sau đó, T đi về nhà và cùng H1, H bê bộ bàn ghế kê trong góc phòng khách nhà T. Khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, anh C đến nhà gặp vợ chồng T, anh C nói với T: “Chú làm như vậy là không được, chú phải trả lại bộ bàn ghế cho anh”, T không nói gì rồi đi vào phòng ngủ. Vợ chồng anh C đã trình báo sự việc với cơ quan Công an. Sau đó T cũng đã tự nguyện trả lại bộ bàn ghế cho gia đình anh C.

Vật chứng thu giữ: 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave, màu đỏ - đen - bạc, biển số 18D1-161.40; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 18D1-161; 01 giấy mua bán xe mô tô biển số 18D1-161.40; 01 xe kéo ba bánh tự chế.

Bản kết luận định giá tài sản số 20 và số 21 ngày 14/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Trục Ninh kết luận: 01 bộ bàn ghế gỗ gụ lão, kiểu dáng trường kỷ gồm 02 ghế băng dài và 01 bàn tại thời điểm bị chiếm đoạt ngày 01/8/2022 trị giá 15.000.000 đồng; 01 chiếc tivi nhãn hiệu Samsung loại màn hình phẳng, 55 inch tại thời điểm ngày 01/8/2022 trị giá 6.500.000 đồng.

Bản kết luận giám định pháp y về tâm thần số 88/KLGD ngày 17/4/2023 của Viện pháp y tâm thần trung ương: - Trước, trong khi thực hiện hành vi phạm tội ngày 01/8/2022 bị can Đỗ Văn H có hội chứng nghiện Rượu. Theo phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F10.2. Tại thời điểm giám định bị can Đỗ Văn H có hội chứng nghiện Rượu hiện đang cai ở trong môi trường được bảo vệ. Phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F10 21. Tại các thời điểm trên bị can đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Trách nhiệm dân sự: Sau khi vợ chồng anh C trình báo cơ quan Công an, Ngô Văn T đã mang bộ bàn ghế trường kỷ trả lại cho gia đình anh C, vợ chồng anh C đã nhận lại bộ bàn ghế và không có yêu cầu gì đối với T. Vợ chồng anh C đã trả cho vợ chồng T số tiền còn nợ là 6.600.000 đồng. Quá trình T lấy tài sản của gia đình anh C đã làm vỡ 01 bộ ấm chén uống nước, vợ chồng anh C không yêu cầu T bồi thường đối với tài sản này.

Tại cơ quan điều tra: Các bị cáo Ngô Văn T, Ngô Xuân H1, Đỗ Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nhận xét trên.

Bản cáo trạng số: 35/CT-VKS ngày 24 tháng 5 năm 2023, VKSND huyện Trục Ninh đã truy tố các bị cáo Ngô Văn T, Ngô Xuân H1, Đỗ Văn H về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 BLHS.

Tại phiên toà:

- Các bị cáo đã khai báo thành khẩn và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo.

- Người bào chữa cho bị cáo H1: Đề nghị HĐXX xem xét, bị cáo là người chưa thành niên, đang là học sinh, hiểu biết pháp luật hạn chế, thực hiện hành vi phạm tội do sự chỉ đạo của bố, đề nghị giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo.

- Người đại diện theo pháp luật của bị cáo H1: Đề nghị HĐXX xem xét, bị cáo là người chưa thành niên, đang là học sinh đề nghị giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo.

- Đại diện Trường phổ thông trung học Trục Ninh B: Đề nghị HĐXX xem xét, bị cáo Ngô văn H1 là học sinh ngoan, có ý thức đạo đức tốt đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo.

- Đại diện VKSND huyện Trục Ninh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật đã viện dẫn tại bản cáo trạng và đề nghị HĐXX:

+ Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 BLHS: Đề nghị xử phạt Ngô Văn T từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 BLHS: Đề nghị xử phạt Đỗ Văn H từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 91; Điều 101; Điều 36; khoản 3, Điều 54 BLHS: Đề nghị xử phạt Ngô Xuân H1 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ.

Về vật chứng: Trả lại cho bị cáo Ngô Văn T 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave, màu đỏ - đen - bạc, biển số 18D1-161.40; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 18D1-161.40; 01 giấy mua bán xe mô tô biển số 18D1-161.40; 01 xe kéo ba bánh tự chế.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về án phí: Các bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT; VKSND huyện Trục Ninh; Điều tra viên; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của Cơ quan CSĐT, VKSND huyện Trục Ninh đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đều phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Đơn trình báo của bị hại; Biên bản khám nghiệm hiện trường; Biên bản định giá tài sản; Kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở khẳng định:

Khoảng tháng 7/2021 vợ chồng Ngô Văn T cho vợ chồng anh Trần Văn C vay 50.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng, sau đó anh C đã trả cho T 43.400.000 đồng và còn nợ lại 6.600.000 đồng. T đã nhiều lần tìm anh C để đòi số tiền trên nhưng anh C chưa có tiền trả cho T. Ngày 01/8/2022, nghe tin vợ chồng anh C vừa lấy tiền phường nhưng không trả nợ cho T, T đã cùng Ngô Xuân H1 và Đỗ Văn H đến nhà anh C lấy 01 bộ bàn ghế Trường kỷ trị giá 15.000.000 đồng của gia đình anh C mặc dù không được chị H2 (vợ anh C) đồng ý, mang về nhà mục đích để gây sức ép buộc vợ chồng anh C phải trả nợ. Nếu vợ chồng anh C không trả T sẽ bán bộ bàn ghế để trừ nợ. Hành vi của T cùng H1 và H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 BLHS như cáo trạng VKSND huyện Trục Ninh đã truy tố đối với các bị cáo.

[3] Về vị trí vai trò của các bị cáo trong vụ án:

Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội có tính chất đồng phạm giản đơn, giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, thống nhất từ trước. Bị cáo Ngô Văn T là người

khởi xướng, trực tiếp tham gia việc lấy tài sản, giữ vai trò chính. Các bị cáo Ngô Xuân H1 và Đỗ Văn H là người giúp sức, cùng T thực hiện hành vi phạm tội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

4.1. Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

4.2. Về tình tiết giảm nhẹ: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Đã tự giác trả lại tài sản cho bị hại đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51. Bị hại có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; Bị cáo T và bị cáo H đều có Hn cảnh gia đình khó khăn, con còn nhỏ; Bị cáo H1 khi thực hiện hành vi phạm tội chưa đủ 18 tuổi, nhận thức pháp luật còn hạn chế, thực hiện hành vi phạm tội do sự sai bảo của bố, đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo H1 còn được áp dụng quy định tại các Điều 91, 101 BLHS.

[5] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, HĐXX xét thấy: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội do bột phát, thiếu hiểu biết về pháp luật, các bị cáo đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, vì vậy về hình phạt xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội, cho các bị cáo được cải tạo tại địa như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đảm bảo việc giáo dục, cải tạo các bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo T, H đều là lao động tự do, thu nhập không ổn định, Hn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo H1 là người chưa thành niên đang đi học HĐXX xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Ngô Văn T có ý định lấy chiếc tivi Samsung 55 inch trị giá 6.500.000 đồng của gia đình anh C nhưng sau đó không lấy chiếc tivi, nên T không phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi này.

[8] Vật chứng: Đối với 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave, màu đỏ - đen - bạc, biển số 18D1-161.40; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 18D1-161.40; 01 giấy mua bán xe mô tô biển số 18D1-161.40; 01 xe kéo ba bánh tự chế là tài sản chung của gia đình T, vợ bị cáo không biết việc T sử dụng xe máy nhãn hiệu Honda Wave, biển số 18D1-161.40 và xe kéo ba bánh tự chế để thực hiện hành vi phạm tội, HĐXX xét thấy cần trả lại các tài sản trên cho bị cáo T.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo **Ngô Văn T, Ngô Xuân H1, Đỗ Văn H** phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 BLHS: Xử phạt Ngô Văn T **15 (mười năm)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách **30 (ba mươi)** tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 21 - 7 - 2023) (Bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày ngày 28 - 10 - 2022 đến ngày 18 - 01 - 2023).

+ Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 BLHS: Xử phạt Đỗ Văn H **12 (mười hai)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách **24 (hai mươi bốn)** tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 21 - 7 - 2023).

+ Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 91; Điều 101; Điều 54 BLHS: Xử phạt Ngô Xuân H1 **18 (mười tám)** tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan giám sát, giáo dục bị cáo nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Đỗ Văn H cho chính quyền thị trấn N, huyện T, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Ngô Văn T, Ngô Xuân H1 cho chính quyền xã T, huyện T, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách và trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

2. Không áp dụng hình phạt bổ sung, khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Ngô Văn T, Ngô Xuân H1, Đỗ Văn H.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS:

- Trả lại cho Ngô Văn T: 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave, màu đỏ - đen - bạc, biển số 18D1-161.40; 01 xe kéo ba bánh tự chế (vật chứng có đặc điểm như tại Biên bản giao nhận vật chứng số: 43/THA ngày 26 tháng 5 năm 2023 giữa CQCSĐT Công an huyện Trực Ninh với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định).

- Trả lại cho Ngô Văn T: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 18D1-161.40; 01 giấy mua bán xe mô tô biển số 18D1-161.40.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH2 vụ Quốc hội; Các bị cáo Ngô Văn T, Ngô Xuân H1, Đỗ Văn H mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo chưa thành niên, người đại diện cho bị cáo chưa thành niên có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án.

T hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, các Bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Công an huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND nơi các bị cáo cư trú;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Người đại diện cho bị cáo;
- Lưu HS; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Bùi Văn Dũng